



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ : 10 Trần Hưng Đạo – Hội An

Mã chứng khoán : HOT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ III/2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2019

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+149)	100		70 088 606 471	59 259 874 988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13 986 121 289	46 471 577 670
1. Tiền	111	V.01	13 986 121 289	10 448 388 629
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		710 229 076	1 157 847 136
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		13 183 539 518	9 267 853 384
- Tiền đang chuyển	11C		92 352 695	22 688 109
2. Các khoản tương đương tiền	112			36 023 189 041
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	42 000 000 000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		42 000 000 000	
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12A			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12B		42 000 000 000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10 012 247 304	9 244 043 463
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7 390 840 831	7 699 601 224
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1 069 377 943	62 885 000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	13Z			
- Phải thu nội bộ khác	13Y			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.03	1 552 028 530	1 481 557 239
- Phải thu khác 138	13A		824 900 530	791 309 239
- Phải thu khác -141	13B		36 880 000	
- Phải thu khác 244	13C		690 248 000	690 248 000
- Phải trả khác 3388	13E			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2 580 205 402	2 544 599 040
1. Hàng tồn kho	141	V.04	2 580 205 402	2 951 855 947
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		607 888 539	659 277 646
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		1 254 976 905	1 576 565 077
- Chi phí SXKD dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		717 339 958	716 013 224
- Hàng hoá kho bảo thuế	14A			
- Hàng gửi đi bán	147			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			- 407 256 907
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1 510 032 476	999 654 815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 510 032 476	999 654 815

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
- Thuế GTGT đầu vào	153			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
- Tài sản ngắn hạn khác (1381)	15A			
- Tài sản ngắn hạn khác (141)	15B			
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		75 457 315 430	89 466 906 076
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1 020 000 000	529 000 000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	1 020 000 000	529 000 000
- Phải thu dài hạn khác (244)	21A		1 020 000 000	529 000 000
- Phải thu dài hạn khác (138..)	21B			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	V.08	66 587 664 164	77 354 827 691
1. TSCĐ hữu hình	221		59 017 184 719	69 331 653 286
- Nguyên giá	222		211 639 206 572	219 772 570 060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-152 622 021 853	-150 440 916 774
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	7 570 479 445	8 023 174 405
- Nguyên giá	228		10 695 298 998	10 695 298 998
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-3 124 819 553	-2 672 124 593
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		94 948 000	108 748 000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		94 948 000	108 748 000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên kết	25A			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	25B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		7 754 703 266	11 474 330 385
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	7 754 703 266	11 474 330 385
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		145 545 921 901	148 726 781 064

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		31 787 566 370	28 382 468 765
I. Nợ ngắn hạn	310		30 931 797 953	27 526 700 348
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
- Vay ngắn hạn	A31			
- Nợ dài hạn đến hạn trả	B31			
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		3 474 579 042	5 231 429 289
3. Người mua trả tiền trước	313		1 789 560 643	2 248 814 308
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	9 127 100 940	8 556 208 034
5. Phải trả người lao động	315		10 449 057 196	11 109 855 322
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	4 894 856 090	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	746 628 871	748 621 221
- Phải trả&phải nộp khác(3388)	31A		629 089 421	748 621 221
- Phải trả&phải nộp khác(138)	31B			
- Phải trả&phải nộp khác(3382)	31C			
- Phải trả&phải nộp khác(33883)	31D			
- Phải trả&phải nộp khác(3383)	31E		92 363 250	
- Phải trả&phải nộp khác(3384)	31F		16 039 350	
- Phải trả&phải nộp khác(3386)	31C		9 136 850	
- Phải trả&phải nộp khác(451)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		450 015 171	- 368 227 826
II. Nợ dài hạn	330		855 768 417	855 768 417
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
- Phải trả dài hạn khác (3385)	33A			
- Phải trả dài hạn khác (344)	33B			
- Phải trả dài hạn khác (338--)	33C			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	33E			
- Nợ dài hạn	33D			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	855 768 417	855 768 417
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		113 758 355 531	120 344 312 299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	113 758 355 531	120 344 312 299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		- 630 000	- 630 000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21 915 004 518	19 949 467 125

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11 843 981 013	20 395 475 174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41A		740 101 246	740 101 246
- LNST chưa phân phối kỳ này	41B		11 103 879 767	19 655 373 928
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	43A			
- Chi sự nghiệp	43B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		145 545 921 901	148 726 781 064

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THU QUANH

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

LÊ TIẾN DŨNG

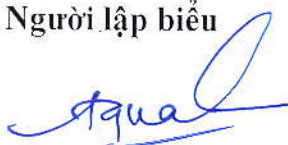
Mã chứng khoán: HOT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ III/2019

ĐVT:VNĐ

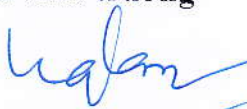
Chỉ tiêu	TM	Quý III/2019	Quý III/2018	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	54 464 745 151	56 111 338 381	147 717 452 976	154 816 600 869
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ DB phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		54 464 745 151	56 111 338 381	147 717 452 976	154 816 600 869
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	37 375 977 422	36 324 174 657	104 120 343 887	105 039 619 946
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		17 088 767 729	19 787 163 724	43 597 109 089	49 776 980 923
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	305 084 811	376 870 343	1 305 102 994	948 539 229
7. Chi phí tài chính	VI.28	9 546 861	29 326 505	34 469 637	269 920 187
- Trong đó: Lãi vay phải trả			21 744 095		226 187 682
8. Chi phí bán hàng		4 806 304 844	4 793 581 496	12 854 815 497	13 440 601 874
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7 253 621 360	5 709 256 716	16 445 797 954	15 183 614 934
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30=20+(21-22)-(24+25)}		5 324 379 475	9 631 869 350	15 567 128 995	21 831 383 157
11. Thu nhập khác		29 516 301	18 157 875	904 972 790	82 823 907
12. Chi phí khác		253 833 405	5 005 356	2 499 768 104	175 225 839
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		- 224 317 104	13 152 519	-1 594 795 314	- 92 401 932
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)		5 100 062 371	9 645 021 869	13 972 333 681	21 738 981 225
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	1 041 087 371	1 966 772 795	2 868 453 914	4 461 293 783
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		4 058 975 000	7 678 249 074	11 103 879 767	17 277 687 442
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		472	893	1 291	2 009

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan



Tổng giám đốc


Lê Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2019	Lũy kế đến 30/09/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13 972 333 681	21 738 981 225
2. Điều chỉnh cho các khoản			5 662 806 040	8 422 607 739
- Khấu hao tài sản cố định	02		8 304 113 508	9 060 575 641
- Các khoản dự phòng	03		- 407 256 907	- 121 966 000
+ Các khoản dự phòng hoàn nhập	0301		- 407 256 907	- 121 966 000
+ Các khoản dự phòng đã lập được ghi nhận	0302			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1 035 325	- 3 843 489
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-2 235 085 886	- 738 346 095
- Chi phí lãi vay	06			226 187 682
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19 635 139 721	30 161 588 964
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-1 154 557 308	-2 494 645 844
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		371 650 545	- 669 413 239
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3 426 731 575	7 089 912 239
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3 209 249 458	4 934 537 165
- Tiền lãi vay đã trả	13			- 226 187 682
+ Tiền lãi vay đã trả (6354)	1301			- 226 187 682
+ Tiền lãi vay đã trả khác	1302			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-3 318 671 970	-3 545 796 822
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4 249 638 643	1 858 078 133
+ Thu do nhận ký cược ký quỹ	1501			
+ Thu hồi các khoản ký cược	1502		9 000 000	
+ Thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1503			
+ Tiền được các tổ chức cá nhân bên ngoài thưởng, tặng quỹ	1504			
+ Tiền được ghi tặng quỹ do cấp trên hoặc cấp dưới nộp	1505			
+ Thu khác	1598		4 240 638 643	1 858 078 133
+ Khác	1599			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-1 100 872 058	-1 973 815 417
+ Tiền đưa đi ký cược ký quỹ	1601		- 500 000 000	- 5 000 000
+ Tiền trả lại các khoản đã nhận ký cược	1602			
+ Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1603		- 600 872 058	- 747 676 968
+ Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1604			
+ Tiền chi trực tiếp bằng nguồn vốn KP sự nghiệp, dự án	1605			
+ Chi khác	1698			-1 221 138 449
+ Khác	1699			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25 318 308 606	35 134 257 497
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		- 321 040 000	- 716 185 029
+ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	2101		- 321 040 000	- 716 185 029
+ Phải thu người bán	2102			

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2019	Lũy kế đến 30/09/2018
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		838 181 818	33 590 909
+ Số tiền thu	2201		838 181 818	33 590 909
+ Số tiền chi	2202			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-42 000 000 000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
+ Thu hồi đầu tư từ phải thu khách hàng (131)	2601			
+ Khác	2602			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-41 482 858 182	- 682 594 120
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			5 300 000 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-12 938 657 500
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-16 319 871 480	-10 799 914 950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-16 319 871 480	-18 438 572 450
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		-32 484 421 056	16 013 090 927
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46 471 577 670	27 281 002 826
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		- 1 035 325	3 843 489
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - tăng	6101		- 1 035 325	3 843 489
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - giảm	6102			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	13 986 121 289	43 297 937 242

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030702234 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã 7 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/09/2014 với mã số mới là 4000102418), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phần phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HOT. Ngày chính thức giao dịch là ngày 21/07/2011.

Công ty có 5 chi nhánh và 2 Văn phòng đại diện :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu Du lịch Biển Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lễ hành Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 05 tháng 04 năm 2018)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu DLND Tam Thanh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính

- Khách sạn;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lễ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng, quán ăn, ăn uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lữ hành Hội An do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

- Khu ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: **HOT**

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HQT

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HQT

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HQT

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: **HOT**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành du lịch và các dịch vụ khác.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng thuế suất 30% đối với dịch vụ massage.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	710.229.076	1.157.847.136
Tiền gửi ngân hàng	13.183.539.518	9.267.853.384
Tiền đang chuyển	92.352.695	22.688.109
Các khoản tương đương tiền	-	36.023.189.041
Cộng	<u><u>13.986.121.289</u></u>	<u><u>46.471.577.670</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	-	-
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	1.903.543.205	3.561.502.383
Phải thu khách hàng của Cty TNHH MTV LHHA	3.722.503.150	2.059.823.994
Phải thu khách hàng của Khu Du Lịch Biển	1.595.862.982	2.043.128.763
Phải thu khách hàng của DLND Tam Thanh	168.931.494	35.146.084
Cộng	<u><u>7.390.840.831</u></u>	<u><u>7.699.601.224</u></u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp tại Văn phòng Công ty	368.450.000	47.885.000
Nhà cung cấp tại Khách sạn Hội An	-	-
Nhà cung cấp tại Cty TNHH MTV LHHA	696.027.943	15.000.000
Nhà cung cấp tại Khu Du Lịch Biển	-	-
Nhà cung cấp tại DLND Tam Thanh	4.900.000	-
Cộng	<u><u>1.069.377.943</u></u>	<u><u>62.885.000</u></u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng vé máy bay	490.332.544	337.043.926
Phải thu tiền BHXH	-	3.500.000
Phải thu đặt cọc , ký quỹ	690.248.000	690.248.000
Các khoản phải thu khác	326.896.753	312.926.403
Tạm ứng	36.880.000	-
Phải thu lãi tiền gửi(lãi dự thu)	7.671.233	137.838.910
Cộng	<u><u>1.552.028.530</u></u>	<u><u>1.481.557.239</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	607.888.539	659.277.646
Công cụ, dụng cụ	1.254.976.905	1.576.565.077
Hàng hóa	717.339.958	716.013.224
Cộng	<u>2.580.205.402</u>	<u>2.951.855.947</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>1.510.032.476</u>	<u>999.654.815</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	147.719.868.452	43.246.339.813	21.978.268.919	6.376.997.876	451.095.000	219.772.570.060
Tăng trong kỳ	-	234.402.000	-	86.638.000	-	321.040.000
<i>Tăng do mua sắm mới</i>	-	234.402.000	-	86.638.000	-	321.040.000
<i>Tăng do đầu tư XD/CB hoàn thành</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	7.920.392.787	472.195.701	61.815.000	-	8.454.403.488
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	7.920.392.787	472.195.701	61.815.000	-	8.454.403.488
Số cuối kỳ	147.719.868.452	35.560.349.026	21.506.073.218	6.401.820.876	451.095.000	211.639.206.572
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	91.885.667.267	36.049.590.812	17.432.137.231	4.870.528.714	202.992.750	150.440.916.774
Tăng do trích khấu hao	4.700.000.059	1.413.657.494	1.224.536.226	445.560.519	67.664.250	7.851.418.548
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	5.331.576.490	302.678.229	36.058.750	-	5.670.313.469
Số cuối kỳ	96.585.667.326	32.131.671.816	18.353.995.228	5.280.030.483	270.657.000	152.622.021.853
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	55.834.201.185	7.196.749.001	4.546.131.688	1.506.469.162	248.102.250	69.331.653.286
Số cuối kỳ	51.134.201.126	3.428.677.210	3.152.077.990	1.121.790.393	180.438.000	59.017.184.719

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.331.354.634	7.363.944.364	10.695.298.998
Tăng do đánh giá lại	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số cuối kỳ	3.331.354.634	7.363.944.364	10.695.298.998
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	2.070.233.938	601.890.655	2.672.124.593
Tăng do trích khấu hao	452.694.960	-	452.694.960
Giảm do thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	2.522.928.898	601.890.655	3.124.819.553
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1.261.120.696	6.762.053.709	8.023.174.405
Số cuối kỳ	808.425.736	6.762.053.709	7.570.479.445

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
- HM tại Khu DL Biển	-	-	-	-	-
- Dự án khác	108.748.000	144.200.000	-	158.000.000	94.948.000
- Dự án Khu Thanh Tây	-	-	-	-	-
- HM tại KS Hội An	-	-	-	-	-
Cộng	108.748.000	144.200.000		158.000.000	94.948.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	7.754.703.266	11.474.330.385

12. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ tại hãng Taxi Vina Sun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grabtaxi	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc thẻ taxi Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Công ty CP The Open House	-	9.000.000
Ký quỹ LHQT tại Ngân hàng VCB	500.000.000	-
Cộng	1.020.000.000	529.000.000

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	325.098.130	1.037.638.403
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	1.445.092.857	1.645.703.980

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	842.566.538	1.956.541.871
Nhà cung cấp cho Cty TNHH MTV LHHA	759.825.047	532.975.280
Nhà cung cấp cho DLND Tam Thanh	101.996.470	58.569.755
Cộng	<u>3.474.579.042</u>	<u>5.231.429.289</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Khách sạn Hội An	442.759.722	768.108.243
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	843.095.080	1.305.319.069
Khách hàng của Cty TNHH MTV LHHA	501.761.616	156.169.321
Khách hàng của DLND Tam Thanh	1.944.225	19.217.675
Khách hàng của Văn phòng Công ty	-	-
Cộng	<u>1.789.560.643</u>	<u>2.248.814.308</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.017.794.068	10.320.276.392	10.121.745.247	1.216.325.213
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.205.721	415.115.074	402.086.821	45.233.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.849.671.970	2.868.453.914	3.318.671.970	1.399.453.914
Thuế thu nhập cá nhân	62.268.714	1.186.261.829	1.147.473.831	101.056.712
Tiền thuê đất	-	1.904.710.626	1.147.218.845	757.491.781
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.574.180.000	-	-	5.574.180.000
Thuế nhà thầu	20.087.561	933.743.303	920.471.518	33.359.346
Thuế môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	<u>8.556.208.034</u>	<u>17.639.561.138</u>	<u>17.068.668.232</u>	<u>9.127.100.940</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

	<u>Số phát sinh</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	2.868.453.914
Cộng	<u>2.868.453.914</u>

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	<u>4.894.856.090</u>	<u>-</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	117.539.450	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	196.443.656	330.304.744
Phải trả phải nộp khác	432.645.765	418.316.477
Cộng	<u>746.628.871</u>	<u>748.621.221</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	(14.153.990)	(719.444.831)
Quỹ phúc lợi	464.169.161	351.217.005
Cộng	<u>450.015.171</u>	<u>(368.227.826)</u>

19. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư tại 01/01/2018	80.000.000.000	(630.000)	19.949.467.125	11.694.300.324	111.643.137.449
Tăng trong kỳ	-	-	-	20.290.716.819	20.290.716.819
Giảm trong kỳ	-	-	-	11.589.541.969	11.589.541.969
Số dư tại 31/12/2018	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>19.949.467.125</u>	<u>20.395.475.174</u>	<u>120.344.312.299</u>
Số dư tại 01/01/2019	80.000.000.000	(630.000)	19.949.467.125	20.395.475.174	120.344.312.299
Tăng trong kỳ	-	-	1.965.537.393	25.442.354.963	27.407.892.356
Giảm trong kỳ	-	-	-	33.993.849.124	33.993.849.124
Số dư tại 30/09/2019	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>21.915.004.518</u>	<u>11.843.981.013</u>	<u>113.758.355.531</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	63
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63	63
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Tổng doanh thu	54.464.745.151	56.111.338.381
<i>Doanh thu Khách sạn Hội An</i>	22.495.169.463	22.572.310.676
<i>Doanh thu Khu Du Lịch Biển</i>	19.201.013.847	23.441.254.881
<i>Doanh thu Trung tâm lễ hành</i>	-	-
<i>Doanh thu Xí nghiệp Giặt</i>	-	-
<i>Doanh thu DLND Tam Thanh</i>	1.894.502.915	1.798.494.205
<i>Doanh thu Văn phòng Công ty</i>	-	-
<i>Doanh thu Cty TNHH MTV LHHA</i>	10.874.058.926	8.299.278.619
Cộng	<u>54.464.745.151</u>	<u>56.111.338.381</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Giá vốn Khách sạn Hội An	13.297.036.125	13.428.528.552
Giá vốn Khu Du Lịch Biển	12.070.591.215	13.646.688.331
Giá vốn Trung tâm lễ hành	-	1.865.000
Giá vốn Xí nghiệp Giặt	-	-
Giá vốn DLND Tam Thanh	2.113.770.931	2.093.949.058
Giá vốn Cty TNHH MTV LHHA	9.894.579.151	7.153.143.716
Cộng	<u>37.375.977.422</u>	<u>36.324.174.657</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	263.167.124	238.701.370
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.930.720	4.610.916
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	34.986.967	133.558.057
Lãi dự thu	-	-
Cộng	<u>305.084.811</u>	<u>376.870.343</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Chi phí lãi vay	-	21.744.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	9.546.861	7.582.410
Cộng	<u>9.546.861</u>	<u>29.326.505</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Chi phí cho nhân viên	856.731.217	847.117.955
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	12.788.993	14.328.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.913.065	404.339.210

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Chi phí hoa hồng	3.546.008.905	3.451.622.670
Chi phí bằng tiền khác	24.862.664	76.173.102
Cộng	<u>4.806.304.844</u>	<u>4.793.581.496</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.007.246.772	3.974.796.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.857.075	101.952.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	178.588.324	165.206.643
Chi phí trợ cấp mất việc	181.107.500	127.732.228
Thuế, phí và lệ phí	459.174.783	9.984.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.113.567.967	1.122.753.316
Chi phí bằng tiền khác	195.078.939	206.832.054
Cộng	<u>7.253.621.360</u>	<u>5.709.256.716</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý CCDC	9.270.000	13.044.545
Xử lý công nợ	6.481.301	5.113.330
Thu nhập khác	13.765.000	
Cộng	<u>29.516.301</u>	<u>18.157.875</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định, nhượng bán, thanh lý	216.923.930	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	12.328.723	5.005.356
Chi phí khác	24.580.752	
Cộng	<u>253.833.405</u>	<u>5.005.356</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.058.975.000	7.678.249.074
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(284.128.250)	(537.477.435)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2019

Mã chứng khoán: HOT

	<u>Quý III/2019</u>	<u>Quý III/2018</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>472</u>	<u>893</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	63	63
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>7.999.937</u>	<u>7.999.937</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2019

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	1.790.061.469	1.641.100.955
Tiền thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị	681.386.000	739.962.702
Cộng	<u>2.471.447.469</u>	<u>2.381.063.657</u>

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chủ yếu là báo cáo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận và được trình bày theo chuẩn mực 28. (theo bảng phụ lục đính kèm)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Tiên Dũng

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

**LÃI LỖ BỘ PHẬN HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Trung tâm Lữ hành	Xưởng giặt Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh	Cty TNHH MTV LHHA
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	54 464 745 151		22 495 169 463			19 201 013 847	1 894 502 915	10 874 058 926
2. Các khoản giảm trừ	02								
- Chiết khấu thương mại	04								
- Giảm giá hàng bán	05								
- Hàng bán bị trả lại	06								
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07								
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	54 464 745 151		22 495 169 463			19 201 013 847	1 894 502 915	10 874 058 926
4. Giá vốn hàng bán	11	37 375 977 422		13 297 036 125			12 070 591 215	2 113 770 931	9 894 579 151
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	17 088 767 729		9 198 133 338			7 130 422 632	- 219 268 016	979 479 775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	305 084 811	267 310 060	21 092 490			14 533 280	123 870	2 025 111
7. Chi phí tài chính	22	9 546 861		4 882 452			4 664 409		
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23								
8. Chi phí bán hàng	24	4 806 304 844	1 057 409 273	1 952 738 797			1 610 063 518	50 332 994	135 760 262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7 253 621 360	5 048 219 432	916 308 582			772 321 598	113 465 652	403 306 096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	5 324 379 475	-5 838 318 645	6 345 295 997			4 757 906 387	- 382 942 792	442 438 528
11. Thu nhập khác	31	29 516 301	13 765 000	7 737 168			7 972 963	1 170	40 000
12. Chi phí khác	32	253 833 405	248 868 318	1 702 947			2 746 128		516 012
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 224 317 104	- 235 103 318	6 034 221			5 226 835	1 170	- 476 012
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	5 100 062 371	-6 073 421 963	6 351 330 218			4 763 133 222	- 382 941 622	441 962 516
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 041 087 371	906 504 189						134 583 182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	4 058 975 000	-6 979 926 152	6 351 330 218			4 763 133 222	- 382 941 622	307 379 334

Cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Trung tâm Lữ hành	Xưởng giặt Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh	Cty TNHH MTV LHHA
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	56 111 338 381	37 500 000	22 572 310 676			23 441 254 881	1 798 494 205	8 261 778 619
2. Các khoản giảm trừ	02								
- Chiết khấu thương mại	04								
- Giảm giá hàng bán	05								
- Hàng bán bị trả lại	06								
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07								
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	56 111 338 381	37 500 000	22 572 310 676			23 441 254 881	1 798 494 205	8 261 778 619
4. Giá vốn hàng bán	11	36 324 174 657		13 428 528 552	1 865 000		13 646 688 331	2 093 949 058	7 153 143 716
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	19 787 163 724	37 500 000	9 143 782 124	- 1 865 000		9 794 566 550	- 295 454 853	1 108 634 903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	376 870 343	241 962 720	20 389 389	312 003	599	113 755 006	99 331	351 295
7. Chi phí tài chính	22	29 326 505	21 744 095	4 004 638			3 577 772		
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	21 744 095	21 744 095						
8. Chi phí bán hàng	24	4 793 581 496	1 166 547 080	1 685 123 655			1 698 199 291	96 010 196	147 701 274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5 709 256 716	3 759 058 004	699 847 688	44 000	22 000	755 300 235	143 217 777	351 767 012
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	9 631 869 350	-4 667 886 459	6 775 195 532	- 1 596 997	- 21 401	7 451 244 258	- 534 583 495	609 517 912
11. Thu nhập khác	31	18 157 875	705	4 235 599	96 000		13 800 541	25 030	
12. Chi phí khác	32	5 005 356		580 666		3 000	2 754 990	1 666 700	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	13 152 519	705	3 654 933	96 000	- 3 000	11 045 551	- 1 641 670	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	9 645 021 869	-4 667 885 754	6 778 850 465	- 1 500 997	- 24 401	7 462 289 809	- 536 225 165	609 517 912
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 966 772 795	1 844 869 212						121 903 583
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	7 678 249 074	-6 512 754 966	6 778 850 465	- 1 500 997	- 24 401	7 462 289 809	- 536 225 165	487 614 329